CHÍNH SÁCH THUẾ MỚI VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM

PGS.TS. Nguyễn Văn Tạo*

Bài viết phân tích tác động của chính sách thuế mới đến năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam trong bối cảnh đổi mới thể chế, phục hồi kinh tế và yêu cầu chuyển đổi xanh. Trên cơ sở tổng hợp dữ liệu thứ cấp từ Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2025, các văn bản chính sách và một số báo cáo liên quan, bài viết làm rõ cơ chế tác động của chính sách thuế thông qua ba kênh chính: giảm gánh nặng tài chính, giảm chi phí tuân thủ và khuyến khích đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh. Kết quả phân tích cho thấy các chính sách thuế mới, đặc biệt là thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phân bậc, ưu đãi cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và cải cách thủ tục hành chính thuế, có thể tạo thêm dư địa tích tụ vốn và nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp tư nhân. Tuy nhiên, hiệu quả chính sách còn phụ thuộc vào khả năng tiếp cận ưu đãi, chất lượng thực thi và mức độ ổn định của môi trường thể chế.

• Từ khóa: *chính sách thuế, kinh tế tư nhân, năng lực cạnh tranh, thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi thuế.*

This paper analyzes the impact of new tax policies on the competitiveness of Vietnam's private sector in the context of institutional reform, economic recovery, and green transition requirements. Based on secondary data from the Vietnam Enterprise White Paper 2025, policy documents, and relevant reports, the study clarifies the mechanisms through which tax policy affects business competitiveness, including reducing financial burdens, lowering compliance costs, and encouraging innovation and green transformation. The findings show that recent tax policies, particularly differentiated corporate income tax rates, incentives for innovative start-ups, and tax administrative reforms, may create additional room for capital accumulation and improve the competitiveness of private enterprises. However, policy effectiveness depends on enterprises' access to incentives, implementation quality, and the stability of the institutional environment. The paper proposes several recommendations to improve the effectiveness of tax policy and support the private sector in strengthening its competitiveness in the new development period.

• Key words: *competitiveness; corporate income tax; private sector; tax incentives; tax policy.*

Ngày nhận bài: 07/4/2026
Ngày gửi phản biện: 26/5/2026
Ngày duyệt đăng: 02/6/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i314.02

1. Giới thiệu

Khu vực kinh tế tư nhân ngày càng giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam. Theo Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2025, đến cuối năm 2024 cả nước có hơn 940 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó doanh nghiệp tư nhân chiếm tỷ trọng lớn (Bộ Tài chính, Cục Thống kê, 2025). Tuy nhiên, phần lớn doanh nghiệp vẫn có quy mô nhỏ, năng lực tài chính, công nghệ và quản trị còn hạn chế; chi phí tuân thủ pháp luật, đặc biệt là nghĩa vụ thuế, tiếp tục ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh.

Trong bối cảnh đó, chính sách thuế không chỉ là công cụ tạo nguồn thu ngân sách mà còn là đòn bẩy hỗ trợ doanh nghiệp. Các chính sách thuế hợp lý có thể giảm gánh nặng tài chính, tăng tích tụ vốn, khuyến khích đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh. Gần đây, Nghị quyết số 68-NQ/TW, Nghị quyết số 198/2025/QH15 và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP đã thể hiện rõ định hướng thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển (Ban Chấp hành Trung ương, 2025; Quốc hội, 2025a; Chính phủ, 2026).

Bài viết phân tích tác động của chính sách thuế đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp tư nhân thông qua các khía cạnh: gánh nặng tài chính, chi phí tuân thủ, khả năng tích tụ vốn, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xanh; từ đó nhận diện các điểm sáng, điểm nghẽn và đề xuất khuyến nghị chính sách.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khái niệm và chỉ số năng lực cạnh tranh

Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp là khả năng duy trì, mở rộng thị phần và tạo lợi nhuận bền vững thông qua tối ưu hóa nguồn lực và đổi mới sáng tạo. Đối với khu vực kinh tế tư nhân, năng lực cạnh tranh được phản ánh qua ba nhóm chỉ số: (i) năng lực tài chính (tích tụ vốn, dòng tiền, lợi nhuận); (ii) năng lực

** Viện Công nghệ Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Tài chính - Marketing; email: nvtao@ufm.edu.vn*

vận hành (chi phí sản xuất, công nghệ và quản trị); và (iii) năng lực thích ứng (chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và tuân thủ pháp luật). Trong bối cảnh phát triển bền vững, mức độ "xanh hóa" và "số hóa" ngày càng trở thành yếu tố quan trọng.

2.2. Tác động của chính sách thuế

Chính sách thuế tác động đến năng lực cạnh tranh qua hai kênh chính. Thứ nhất, tác động trực tiếp thông qua gánh nặng tài chính: thuế suất và ưu đãi thuế ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và khả năng tái đầu tư. Thứ hai, tác động gián tiếp thông qua chi phí tuân thủ, bao gồm thủ tục hành chính, kế toán, kê khai và thanh tra thuế. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, các chi phí này có thể làm giảm tính linh hoạt và khả năng cạnh tranh (Bộ Tài chính, Cục Thống kê, 2025).

2.3. Thuế xanh và phát triển bền vững

Sau cam kết phát thải ròng bằng "0" tại COP26, chính sách thuế ngày càng được sử dụng như công cụ thúc đẩy phát triển bền vững. Các ưu đãi thuế đối với đầu tư xanh và cơ chế tín chỉ các-bon góp phần khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi sang mô hình kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải và nâng cao năng lực cạnh tranh, đặc biệt trong bối cảnh xuất hiện các rào cản thương mại xanh như CBAM của Liên minh châu Âu (Nguyễn Thị Thanh Hương, 2022).

2.4. Khung thể chế và phương pháp nghiên cứu

Theo quan điểm quản trị hiện đại, chính sách thuế hiệu quả cần dựa trên quản trị rủi ro và lấy doanh nghiệp làm trung tâm. Tinh thần Nghị quyết số 198/2025/QH15 nhấn mạnh việc chuyển từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm", tăng cường ứng dụng dữ liệu trong quản lý thuế nhằm giảm chi phí không chính thức, nâng cao tính minh bạch và tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư dài hạn.

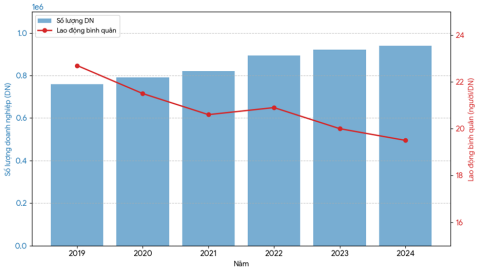
Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, dựa trên tổng hợp tài liệu, phân tích chính sách và dữ liệu thứ cấp từ Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2025, các văn bản pháp luật, báo cáo môi trường kinh doanh và nghiên cứu liên quan. Nghiên cứu tập trung làm rõ cơ chế tác động của chính sách thuế đến năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế tư nhân thông qua ba kênh: gánh nặng tài chính, chi phí tuân thủ và khả năng đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh; đồng thời đối chiếu các chính sách mới với thực trạng doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 để nhận diện kết quả, điểm nghẽn và hàm ý chính sách.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thực trạng khu vực kinh tế tư nhân nhìn từ quy mô doanh nghiệp và lao động

Dữ liệu thực chứng từ sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2025 phản ánh một quy luật chuyển dịch đáng chú ý của khu vực kinh tế tư nhân. Tính đến cuối năm 2024, số lượng doanh nghiệp đang hoạt động đã đạt mốc kỷ lục với hơn 940 nghìn doanh nghiệp, tăng trưởng bền bỉ bất chấp những biến động khó lường của kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, đằng sau sự gia tăng về số lượng là một xu hướng "nhỏ hóa" về quy mô lao động, tạo nên một nghịch lý trong năng lực cạnh tranh của khu vực này.

Hình 1: Tương quan giữa số lượng doanh nghiệp và quy mô lao động bình quân (2019 - 2024)



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ sách trắng doanh nghiệp 2025

Như thể hiện tại Hình 1, sự vận động trái chiều của hai chỉ tiêu quan trọng phản ánh rõ thực trạng phát triển của khu vực doanh nghiệp tư nhân. Trong giai đoạn 2019-2024, tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tăng mạnh từ 758 nghìn lên hơn 940 nghìn doanh nghiệp, trong khi quy mô lao động bình quân lại giảm từ 22,7 xuống khoảng 19,5 lao động/doanh nghiệp.

Xu hướng giảm gần 15% quy mô lao động bình quân trong vòng 5 năm cho thấy hai đặc điểm đáng chú ý. Thứ nhất, khu vực kinh tế tư nhân vẫn chủ yếu gồm các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, có khả năng chống chịu hạn chế trước các biến động về chi phí và thị trường. Thứ hai, nhiều doanh nghiệp đang từng bước chuyển đổi mô hình sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ và tự động hóa nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm phụ thuộc vào lao động thủ công.

Nghịch lý "tăng về số lượng nhưng thu hẹp về quy mô" là cơ sở thực tiễn quan trọng cho việc ban hành các cơ chế hỗ trợ đặc thù tại Nghị quyết số 198/2025/QH15. Trong đó, chính sách áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15-17% đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ không chỉ giúp giảm gánh nặng tài chính trước mắt mà còn tạo điều kiện để doanh nghiệp tích lũy vốn, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong dài hạn.

3.2. Những điểm sáng của chính sách thuế mới và tác động hỗ trợ phục hồi

Giai đoạn 2021-2025, đặc biệt trong các năm 2024-2025, đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tư duy điều hành chính sách thuế ở Việt Nam, từ mục tiêu chủ yếu là tăng thu ngân sách sang nuôi dưỡng, bảo vệ và phát triển nguồn thu. Theo đó, chính sách

thuế ngày càng được sử dụng như một công cụ hỗ trợ phục hồi và nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế tư nhân.

Điểm nổi bật của các chính sách mới là việc mở rộng và cụ thể hóa các ưu đãi thuế dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, các tổ chức nghiên cứu và đổi mới công nghệ. Các chính sách này được thiết kế theo hướng giảm chi phí đầu vào, tăng khả năng tích lũy và khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao.

Những nội dung có tác động tích cực đến năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế tư nhân gồm: (i) áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phân bậc 15% và 17% đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; (ii) ưu đãi thuế cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và các quỹ đầu tư; (iii) ưu đãi thuế thu nhập cá nhân đối với chuyên gia và nhân lực đổi mới sáng tạo; (iv) khuyến khích trích lập quỹ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; và (v) gắn chính sách ưu đãi thuế với hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh.

Việc ban hành Luật Thuế năm 2025 và Nghị quyết số 198/2025/QH15 đã góp phần hình thành một hệ sinh thái hỗ trợ tương đối toàn diện cho khu vực doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa, qua đó tạo động lực cho phục hồi, đổi mới sáng tạo và phát triển trong giai đoạn 2026-2030.

Bảng 1: Hệ thống thuế suất TNDN phân bậc và mục tiêu cắt giảm chi phí (2025 - 2026)

Đối tượng (Quy mô)	Thuế suất phổ thông	Thuế suất ưu đãi (Luật 2025)	Mục tiêu cắt giảm chi phí tuân thủ (NQ 198)
DN Siêu nhỏ	20%	15%	Giảm 30% thời gian & chi phí thủ tục
DN Nhỏ	20%	17%	Tối đa 01 lần thanh tra/năm
DN Khởi nghiệp sáng tạo	20%	Miễn 2 năm, giảm 50% trong 4 năm	Miễn kiểm tra thực tế nếu tuân thủ tốt

Nguồn: Tổng hợp từ Luật Thuế 2025 và Nghị quyết 198/2025/QH15

Việc áp dụng thuế suất TNDN phân bậc 15% và 17% (thay vì mức 20% như trước đây) là một bước đi đột phá, giúp doanh nghiệp tư nhân tích tụ vốn tại chỗ để tái đầu tư vào công nghệ. Song song đó, gói chính sách giảm 2% thuế suất thuế GTGT (VAT) tiếp tục được duy trì đã tạo hiệu ứng kép: vừa kích cầu tiêu dùng nội địa, vừa trực tiếp giảm áp lực chi phí đầu vào cho doanh nghiệp.

Đặc biệt, cơ chế đặc thù dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo với lộ trình miễn, giảm thuế kéo dài đến 6 năm là minh chứng cho quyết tâm của Chính phủ trong việc thúc đẩy mô hình tăng trưởng dựa trên tri thức và công nghệ. Điều này không chỉ nâng cao năng lực cạnh tranh ngắn hạn mà còn chuẩn bị cho doanh nghiệp tư nhân khả năng hội nhập bền vững vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Sự kết hợp giữa ưu đãi về thuế suất và cam kết cắt giảm 30% chi phí tuân thủ đã tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi, giúp hơn 62.000 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong năm 2024 (Bộ Tài chính, Cục Thống kê, 2025), khẳng định hiệu quả tức thì của các chính sách này trong việc khôi phục niềm tin của nhà đầu tư tư nhân.

3.3. Những điểm nghẽn trong năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế tư nhân

Mặc dù các chính sách ưu đãi thuế tại Mục 2.2 đã tạo ra những xung lực tích cực, song khi đi sâu vào phân tích hiệu quả hoạt động thực tế, khu vực KTTN vẫn bộc lộ những hạn chế đáng kể so với khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Điều này phản ánh các "điểm nghẽn" cố hữu về năng lực cạnh tranh mà chính sách thuế đơn thuần chưa thể giải quyết triệt để.

Dữ liệu từ sách trắng doanh nghiệp 2025 về các chỉ số sinh lời (Bảng 2) cho thấy một khoảng cách khá lớn về hiệu quả quản trị và khả năng tận dụng nguồn lực:

Bảng 2: So sánh hiệu suất sinh lợi giữa khu vực KTTN nội địa và khu vực FDI (Năm 2024)

Chỉ số hiệu suất	Khu vực KTTN nội địa	Khu vực FDI	Chênh lệch
ROS (Lợi nhuận/Doanh thu)	~2,1% - 2,5%	~5,8% - 6,2%	Gấp ~2,5 lần
ROA (Lợi nhuận/Tài sản)	1,80%	4,90%	Gấp ~2,7 lần
ROE (Lợi nhuận/Vốn CSH)	4,50%	12,60%	Gấp ~2,8 lần

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ sách trắng doanh nghiệp 2025

Sự chênh lệch về tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) và tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) phản ánh những rào cản mang tính hệ thống đối với khu vực doanh nghiệp tư nhân.

Thứ nhất, chi phí tuân thủ và các chi phí phát sinh trong quá trình thực thi pháp luật vẫn ở mức tương đối cao. Mặc dù nhiều chính sách thuế đã được điều chỉnh theo hướng hỗ trợ doanh nghiệp, nhưng các chi phí liên quan đến thủ tục hành chính, thời gian thực hiện nghĩa vụ thuế và các chi phí không chính thức vẫn ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Theo các báo cáo về môi trường kinh doanh, những chi phí này làm giảm lợi nhuận giữ lại và góp phần khiến ROS của khu vực doanh nghiệp tư nhân duy trì ở mức thấp (Bộ Tài chính, Cục Thống kê, 2025).

Thứ hai, khả năng tiếp cận các chính sách ưu đãi thuế giữa các nhóm doanh nghiệp còn có sự khác biệt. Doanh nghiệp có quy mô lớn hoặc có điều kiện tiếp cận dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp thường tận dụng chính sách hiệu quả hơn. Trong khi đó, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin, hoàn thiện hồ sơ và đáp ứng các điều kiện để được hưởng ưu đãi. Điều này làm giảm hiệu quả lan tỏa của chính sách hỗ trợ.

Thứ ba, yêu cầu chuyển đổi xanh và phát triển bền vững đang tạo ra áp lực mới đối với doanh nghiệp tư nhân. Trong bối cảnh thực hiện các cam kết về giảm phát thải và thích ứng với các tiêu chuẩn môi trường quốc tế, doanh nghiệp phải gia tăng đầu tư cho công nghệ sạch, quản trị môi trường và đổi mới quy trình sản xuất. Tuy nhiên, hạn chế về nguồn lực tài chính khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc cân đối giữa mục tiêu lợi nhuận ngắn hạn và đầu tư dài hạn cho phát triển bền vững.

Những hạn chế trên làm suy giảm khả năng tích tụ vốn và đầu tư cho nghiên cứu, phát triển (R&D), từ đó ảnh hưởng đến khả năng tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Điều này cho thấy sự cần thiết của các cơ chế hỗ trợ đặc thù nhằm giảm chi phí tuân thủ, đơn giản hóa thủ tục và nâng cao khả năng tiếp cận chính sách của khu vực doanh nghiệp tư nhân.

3.4. Thảo luận về tác động của các cơ chế đặc biệt đối với năng lực cạnh tranh

3.4.1. Đổi mới tư duy thể chế: từ quản lý sang đồng hành phát triển

Nghị quyết số 68-NQ/TW đã khẳng định vai trò của kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Điểm nổi bật của nghị quyết là sự chuyển dịch trong tư duy quản lý, từ kiểm soát sang tạo lập môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển. Việc nhấn mạnh nguyên tắc bảo vệ quyền tài sản, hạn chế hình sự hóa các quan hệ kinh tế và tăng cường tính minh bạch của môi trường kinh doanh góp phần giảm rủi ro pháp lý, củng cố niềm tin của doanh nghiệp đối với hoạt động đầu tư dài hạn (Ban Chấp hành Trung ương, 2025).

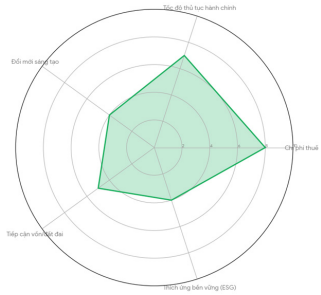
3.4.2. Cải cách chính sách thuế theo hướng ưu tiên doanh nghiệp tư nhân

Nghị quyết số 198/2025/QH15 đã cụ thể hóa nhiều cơ chế hỗ trợ về thuế đối với doanh nghiệp tư nhân. Trong đó, việc áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15-17% đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa góp phần cải thiện khả năng tích lũy và tái đầu tư. Bên cạnh đó, các mục tiêu giảm chi phí tuân thủ, rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính, tăng cường quản lý dựa trên dữ liệu số và hạn chế thanh tra, kiểm tra chồng chéo được kỳ vọng sẽ nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp (Quốc hội, 2025).

3.4.3. Đánh giá năng lực cạnh tranh trong bối cảnh mới

Kết quả thể hiện tại Hình 2 cho thấy một số yếu tố liên quan đến chi phí thuế và thủ tục hành chính đã có sự cải thiện nhờ các chính sách hỗ trợ mới. Tuy nhiên, các chỉ số về năng lực đổi mới sáng tạo, năng lực công nghệ, chuyển đổi xanh và khả năng tham gia chuỗi giá trị vẫn còn khoảng cách đáng kể. Điều này cho thấy cải cách thuế là điều kiện cần nhưng chưa đủ; việc nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế tư nhân cần được hỗ trợ đồng bộ bởi các chính sách về vốn, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực.

Hình 2: Biểu đồ Radar năng lực cạnh tranh của khu vực KTTN Việt Nam (Ước tính 2025)



Đổi mới sáng tạo và thích ứng bền vững (điểm yếu): Đây vẫn là hai "góc chết" trong cấu trúc cạnh tranh. Mặc dù chi phí thuế giảm giúp doanh nghiệp có vốn, nhưng năng lực tự thân trong việc làm chủ công nghệ và chuyển đổi xanh (ESG/COP26) vẫn còn rất khiêm tốn. Sự thiếu hụt các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và hành lang pháp lý cho thị trường carbon đang khiến doanh nghiệp chậm chân trong cuộc đua "xanh hóa" toàn cầu.

3.1.4. Thúc đẩy tăng trưởng xanh và cam kết COP26 qua đòn bẩy thuế

Chính sách thuế hiện đại đang chuyển dịch sang việc kích thích các hành vi bền vững. Theo cam kết COP26, Chính phủ đang khẩn trương cụ thể hóa các cơ chế:

- Thuế cho thị trường Carbon: Miễn thuế cho các khoản thu nhập từ tín chỉ carbon và ưu đãi thuế TNDN cho các dự án thu giữ carbon.

- Ưu đãi cho đầu tư bền vững: Hỗ trợ thuế suất đặc biệt cho doanh nghiệp công nghệ cao và doanh nghiệp đổi mới sáng tạo hoạt động trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và kinh tế tuần hoàn (Nguyễn Thị Thanh Hương, 2022). Việc lồng ghép các yếu tố này vào Nghị quyết 68 giúp doanh nghiệp tư nhân không chỉ cạnh tranh bằng giá (thuế thấp) mà còn cạnh tranh bằng giá trị (sản phẩm xanh), vượt qua các rào cản kỹ thuật của các thị trường phát triển.

4. Kết luận và khuyến nghị giải pháp

Dựa trên các phân tích về thực trạng và những cơ chế đặc thù hiện có, để đưa khu vực KTTN thực sự

trở thành động lực nòng cốt đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, tác giả đề xuất các giải pháp mang tính hệ thống sau:

4.1. Nhóm giải pháp về thể chế và quản trị thuế

Để hiện thực hóa mục tiêu giảm 30% chi phí tuân thủ và tạo lập môi trường kinh doanh minh bạch, tác giả đề xuất các hành động cụ thể sau:

Một là: Thực thi triệt để tinh thần Nghị quyết 198/2025/QH15: Cần luật hóa các tiêu chuẩn "miễn kiểm tra thực tế" đối với doanh nghiệp có lịch sử tuân thủ thuế tốt. Việc chuyển đổi từ "hậu kiểm" sang "quản trị rủi ro bằng dữ liệu lớn" phải được triển khai đồng bộ ở tất cả các địa phương để giảm thực chất chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

Hai là: Hoàn thiện chính sách thuế TNDN phân bậc: Cần duy trì và có lộ trình ổn định mức thuế suất 15-17% cho SMEs trong ít nhất 10 năm tới để doanh nghiệp yên tâm tích tụ vốn. Đồng thời, nghiên cứu áp dụng "tín dụng thuế" (tax credit) cho các hoạt động đầu tư vào máy móc, thiết bị công nghệ cao (Quốc hội, 2025).

4.2. Giải pháp thúc đẩy năng lực cạnh tranh xanh và đổi mới sáng tạo

- Cụ thể hóa ưu đãi cho lộ trình NetZero: Chính phủ cần sớm ban hành danh mục phân loại xanh (Green Taxonomy) làm căn cứ để doanh nghiệp tư nhân hưởng các ưu đãi thuế suất đặc biệt khi chuyển đổi năng lượng.

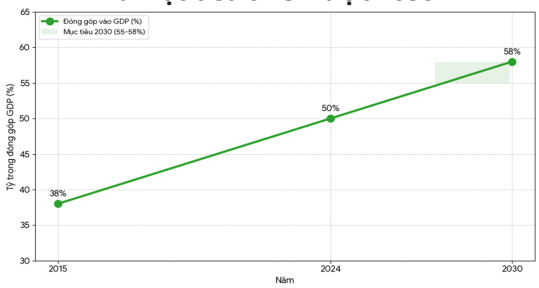
- Đòn bẩy thuế cho R&D: Cho phép doanh nghiệp được khấu trừ 150% chi phí nghiên cứu và phát triển (R&D) khi tính thuế TNDN. Đây là giải pháp then chốt để cải thiện «góc chết» về đổi mới sáng tạo đã được chỉ ra trong biểu đồ Radar ở phần 3 (Nguyễn Thị Thanh Hương, 2022).

4.3. Xây dựng mối liên kết chuỗi và tầm nhìn 2030

Chính sách thuế cần khuyến khích sự lan tỏa từ các tập đoàn lớn sang các doanh nghiệp nhỏ. Cho phép các doanh nghiệp dẫn dắt được khấu trừ thuế đối với các chi phí hỗ trợ, đào tạo nhà cung cấp nội địa trong chuỗi cung ứng của mình.

Như thể hiện tại Hình 3, với đà tăng trưởng và sự hỗ trợ từ các chính sách mới, tỷ trọng đóng góp của khu vực KTTN dự kiến sẽ chạm mốc 55-58% GDP vào năm 2030. Đây không chỉ là một con số thống kê mà là minh chứng cho sự thành công của chiến lược "nuôi dưỡng nguồn thu" và nâng cao năng lực cạnh tranh dân tộc.

Hình 3: Xu hướng đóng góp GDP của khu vực KTTN và mục tiêu chiến lược 2030



4.4. Chính phủ cần có cơ chế, chính sách cụ thể để xây dựng "niềm tin chính trị" đối với khu vực kinh tế tư nhân vào các chính sách của Nhà nước.

Với quyết tâm đổi mới thể chế để phát triển nền kinh tế Việt Nam trong kỷ nguyên mới theo tinh thần Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIV, Chính phủ cần có những chính sách thuế với tầm nhìn dài hơi tránh việc thay đổi chính sách thường xuyên, đặc biệt là xác lập quyền tài sản đối với doanh nghiệp tư nhân để các doanh nghiệp tư nhân yên tâm đầu tư và xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn

4.5. Kết luận

Bài nghiên cứu đã đi sâu phân tích mối quan hệ tương hỗ giữa chính sách thuế và năng lực cạnh tranh của khu vực KTTN Việt Nam trong bối cảnh mới. Dữ liệu từ Sách trắng doanh nghiệp 2025 và các Nghị quyết chiến lược cho thấy, Việt Nam đang đứng trước cơ hội lịch sử để thực hiện một cuộc cách mạng về thể chế kinh tế.

Việc triển khai quyết liệt các cơ chế đặc biệt tại Nghị quyết 198/2025/QH15 và tầm nhìn tại Nghị quyết 68-NQ/TW sẽ là "chìa khóa" để giải quyết nghịch lý "đông nhưng không mạnh" của doanh nghiệp nội địa. Khi chính sách thuế thực sự trở thành bà đỡ cho các hoạt động đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xanh, khu vực KTTN sẽ không chỉ là động lực tăng trưởng mà còn là lá chắn bảo vệ sự tự chủ và bền vững của nền kinh tế Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Tài liệu tham khảo:

Ban Chấp hành Trung ương. (2025). Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 về phát triển kinh tế tư nhân trong tình hình mới.

Bộ Tài chính, Cục Thống kê. (2025). Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2025. Nhà xuất bản Thống kê.

Chính phủ. (2026). Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

Nguyễn Thị Cẩm Giang. (2026). Chính sách thuế 2025: Tạo dư địa cho doanh nghiệp phát triển. Tạp chí Diễn đàn Doanh nghiệp.

Nguyễn Thị Thanh Hương. (2022). Phát triển kinh tế tư nhân bền vững nhằm thực hiện mục tiêu cam kết của Việt Nam tại COP26. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Quốc hội. (2025a). Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

Quốc hội. (2025b). Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.

VCCI & USAID. (2025). Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI 20